TIẾNG VIỆT

**BÀI 9: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: TỪ ĐỒNG NGHĨA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được từ đồng nghĩa, bước đầu phân biệt được những từ có nghĩa giống nhau và các từ có nghĩa gần giống nhau.

- HS tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học; Nâng cao kĩ năng tìm hiểu về từ đồng nghĩa, ứng dụng vào thực tiễn; Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

- Giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Bảng nhóm

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1. Hoạt động Mở đầu:**

- HS chơi trò chơi “Ai nhanh ai đúng” để thực hiện các yêu cầu:

***Câu 1. Tìm các từ có nghĩa giống nhau trong những câu thơ sau:***

Giêng, Hai rét cứa như dao,

Nghe tiếng chào mào chống gậy ra trông

Nom Đoài rồi lại ngắm Đông

Bề lo sương táp, bề phòng chim ăn.

 (Đáp án: Trông – nom)

***Câu 2. Tìm các từ có nghĩa giống nhau trong những đoạn văn sau:***

Đất nước ta sạch bóng quân thù. Hai Bà Trưng trở thành hai vị anh hùng đầu tiên được lưu danh trong lịch sử nước nhà.

 (Đáp án: Đất nước – nước nhà)

***Câu 3. Tìm các từ có nghĩa giống nhau trong những câu thơ sau:***

Con tàu như mũi tên

Đang lao về phía trước

Em muốn con tàu này

Đưa em đi khắp nước

Ơi Tổ quốc! Tổ quốc!

 (Đáp án: Nước – Tổ quốc)

- HS trả lời câu hỏi: Trò chơi giúp bạn ôn lại kiến thức gì?

- GV dẫn dắt, giới thiệu bài, ghi bảng.

**2. Hoạt động Hình thành kiến thức mới**

**a, Tìm hiểu về từ đồng nghĩa**

**Bài 1:** *Đọc 2 đoạn văn sau và trả lời câu hỏi: (Nhóm 4)*

- HS đọc yêucầu của đề bài

- HS đọc 2 đoạn văn.

- HS làm việc cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm 4

- Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận.

 **Dự kiến:** *Đoạn thứ nhất có các từ có nghĩa gần giống nhau: khuân, tha, vác, nhấc.*

*→ 4 từ đều nói về hành động tác động vào một vật nặng (thường là mang/ chuyển) và làm cho vật đó thay đổi vị trí.*

*Nét nghĩa khác nhau: cách thức tác động và làm cho vật đó thay đổi vị trí.*

*+ Khuân: khiêng vác đồ vật nặng;*

*+ Tha: mang đi bằng cách ngậm chặt ở miệng hoặc mỏ;*

*+ Vác: mang vật nặng bằng cách đặt lên vai;*

*+ Nhấc: nâng lên, đưa lên cao hơn.*

*Đoạn thứ hai có các từ có nghĩa giống nhau: ban mai, sáng sớm.*

*→ 2 từ này đều nói về thời điểm bắt đầu buổi sáng, khi mặt trời sắp nhô lên khỏi đường chân trời.*

- Các nhóm khác nhận xét, chia sẻ

- GV nhận xét, kết luận:

Bài 2: Tìm trong mỗi nhóm từ dưới đây những từ có nghĩa giống nhau: (Nhóm đôi)

- HS làm việc cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm đôi.

- Đại diện 1 - 2 nhóm trình bày trước lớp, các nhóm khác bổ sung.

*\* Dự kiến: a. sắt đá b. núi non c. bình tĩnh*

- HS nhóm khác nhận xét, chia sẻ.

- GV nhận xét và hỏi thêm: Thế nào là từ đồng nghĩa?

- GV giảng và chốt kiến thức về từ đồng nghĩa: *Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau (ví dụ: bố, ba, cha,…) hoặc gần giống nhau (ví dụ: ăn, xơi, chén,…). Khi viết hoặc nói, cần lựa chọn từ phù hợp nhất với ý nghĩa được thể hiện.*

- HS đọc kĩ phần ghi nhớ.

– HS đọc **Ghi nhớ.**

- GV mở rộng:

- Những từ có nghĩa giống nhau được gọi là từ đồng nghĩa hoàn toàn.

- Những từ có nghĩa gần giống nhau được gọi là từ đồng nghĩa không hoàn toàn

**3. Hoạt động Thực hành, luyện tập**

***Bài 3: Những thành ngữ nào dưới đây chứa các từ đồng nghĩa? Đó là những từ nào? (Nhóm đôi)***

- HS thảo luận, thống nhất kết quả trong nhóm, làm bảng nhóm

- 1 - 2 HS chữa bài trước lớp, các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

*\* Dự kiến:*

*c. Ngăn sông cấm chợ; các từ đồng nghĩa là: ngăn và cấm.*

*g. Thay hình đổi dạng; các từ đồng nghĩa là: thay và đổi, hình và dạng.*

- GV nhận xét, chốt đáp án.

**Bài tập 4: (Cá nhân)**

- HS đọc yêu cầu.

- HS làm việc cá nhân, viết kết quả vào vở bài tập, đổi chéo kiểm tra.

- GV quan sát và hỗ trợ khi cần.

- Một số HS trình bày kết quả.

*\* Dự kiến:* Tháng Ba, tháng Tư, Tây Trường **Sơn bắt đầu** mùa mưa. Mưa tới đâu, cỏ lá **tốt tươi** tới đó. Phía trước bầy voi luôn luôn là những vùng đất **no nê**, nơi chúng có thể sống những ngày sung sướng bù lại thời gian **đói khát** của mùa thu. Vì thế, bầy voi cứ theo sau những cơn mưa mà đi. Đó là luật lệ của rừng.

- HS nhóm khác nhận xét, chia sẻ.

- GV nhận xét, kết luận

**4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm**

- HS tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ in đậm trong bài ca dao dưới đây:

Lên rừng bắt tép kho cà

Xuống sông hái **quả** thanh trà về ăn

Lên rừng bắt con cá măng

Xuống sông đánh **hổ**, đánh trăn **mang** về...

(Ca dao)

- HS trả lời:

+ Từ đồng nghĩa với quả: trái

+ Từ đồng nghĩa với hổ: cọp, hùm,…

+ Từ đồng nghĩa với mang: đem

- Về nhà cùng người thân tìm các cặp từ đồng nghĩa và ghi vào sổ tay.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY** ……………………………………………………………………………………………...

……………………………………………………………………………………………...